

Số: 251008/003/QĐ-THUV

Hưng Yên, ngày 08 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Danh sách trúng tuyển nhập học, Danh sách lớp
và Mã sinh viên năm 2025**

Căn cứ Quyết định số 2056/QĐ-TTG ngày 23/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học y khoa Tokyo Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/3/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều trong Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Công văn số 2457/QĐ-BGDĐT ngày 19/5/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh sách 4 lớp và Mã sinh viên hệ Đại học chính quy Trường Đại học y khoa Tokyo Việt Nam năm 2025 (danh sách kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng, Trưởng khoa, Giáo vụ và Sinh viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

Ban giám hiệu;

Như điều 2;

Lưu: văn phòng.

HIỆU TRƯỞNG



TS. KUSUMI MARI



TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
TOKYO VIỆT NAM

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬP HỌC
HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NĂM HỌC 2025 - 2026
(Ban hành theo Quyết định số 251008/003/QĐ-THUV)

Hưng Yên, ngày 08 tháng 10 năm 2025

STT	Họ tên	Ngày sinh	Khoa	Lớp	Mã SV
1	NGUYỄN KHÁNH AN	19/06/2007	Điều dưỡng	NS10	12510001
2	NGUYỄN NGỌC ANH	09/12/2007	Điều dưỡng	NS10	12510002
3	NGUYỄN HOÀNG DUY BẢO	12/10/2007	Điều dưỡng	NS10	12510003
4	NGUYỄN THÙY GIANG	09/07/2007	Điều dưỡng	NS10	12510004
5	NGÔ ĐĂNG KHẢI	24/09/2007	Điều dưỡng	NS10	12510005
6	NGUYỄN TIẾN LÂN	25/07/2007	Điều dưỡng	NS10	12510006
7	ĐẶNG NGỌC LINH	22/08/2007	Điều dưỡng	NS10	12510007
8	PHẠM LÊ NGỌC NHI	08/10/2007	Điều dưỡng	NS10	12510008
9	NGUYỄN PHƯƠNG NHUNG	24/04/2007	Điều dưỡng	NS10	12510009
10	NGUYỄN BẢO ANH THU	07/11/2007	Điều dưỡng	NS10	12510010
11	ĐINH LÊ BẢO TRANG	30/09/2007	Điều dưỡng	NS10	12510011
12	NGUYỄN HUYỀN TRANG	23/12/2007	Điều dưỡng	NS10	12510012
13	NGUYỄN QUỐC VIỆT	19/04/2007	Điều dưỡng	NS10	12510013
14	TỔNG TRIỆU BẢO	29/09/2007	Điều dưỡng	NS10	12510015



15	ĐỒNG THỊ PHƯƠNG ANH	05/12/2007	Điều dưỡng	NS10	12510016
16	NGUYỄN THỊ THU	23/09/2007	Điều dưỡng	NS10	12510017
17	NGUYỄN THÀNH CHUNG	17/11/2007	Kỹ thuật xét nghiệm y học	MT9	12530001
18	PHẠM NGỌC THÙY DƯƠNG	31/07/2007	Kỹ thuật xét nghiệm y học	MT9	12530002
19	ĐOÀN QUỲNH MY	05/09/2007	Kỹ thuật xét nghiệm y học	MT9	12530003
20	NGUYỄN LINH TRANG	16/07/2007	Kỹ thuật xét nghiệm y học	MT9	12530004
21	NGUYỄN TRUNG HOÀNG ANH	07/02/2007	Kỹ thuật xét nghiệm y học	MT9	12530005
22	PHẠM THỊ ANH ĐÀO	05/07/2007	Kỹ thuật xét nghiệm y học	MT9	12530006
23	PHẠM ĐÌNH HẢI ĐĂNG	29/11/2007	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT9	12540001
24	ĐỖ QUANG HUY	09/04/2007	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT9	12540002
25	NGUYỄN TUẤN KHANG	12/11/2006	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT9	12540003
26	NGÔ TRUNG KIÊN	10/09/2007	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT9	12540004
27	NGUYỄN ĐỨC LONG	26/11/2005	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT9	12540005
28	BÙI HOÀNG MINH	30/01/2007	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT9	12540006
29	PHÙNG QUỐC NAM	12/11/2007	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT9	12540007
30	NGUYỄN THÀNH VINH	27/05/2007	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT9	12540009
31	LÊ ĐOÀN TUẤN ANH	07/09/2007	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT9	12540010
32	TRẦN ĐỨC DUY	09/09/2006	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT9	12540011

ỤC
 TR
 I HỌ
 TÌ
 VIỆ

33	NGUYỄN PHÚC BÌNH AN	25/12/2007	Kỹ thuật hình ảnh y học	RT9	12540012
34	ĐINH NGỌC DIỆP ANH	21/07/2006	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT10	12520001
35	LÊ HOÀNG ANH	21/11/2007	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT10	12520002
36	BÙI TIẾN DŨNG	01/04/2007	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT10	12520003
37	NGUYỄN NGỌC DŨNG	31/08/2007	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT10	12520004
38	NGUYỄN QUANG DUY	14/09/2007	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT10	12520005
39	LÊ THỊ NGỌC ĐÀO	23/11/2007	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT10	12520006
40	PHẠM NGUYỄN TUẤN HOÀNG	21/07/2007	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT10	12520007
41	NGUYỄN TRỌNG ĐĂNG KHOA	16/12/2007	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT10	12520008
42	CHU MẠNH LONG	04/04/2007	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT10	12520009
43	CHU BẢO NGỌC	21/09/2007	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT10	12520010
44	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	01/08/1993	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT10	12520011
45	NGÔ NGỌC QUANG	09/12/2006	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT10	12520012
46	NGUYỄN HỒNG SƠN	06/10/2007	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT10	12520013
47	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	09/11/2007	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT10	12520014
48	NGÔ MINH TUỆ	11/09/2007	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT10	12520015
49	NGUYỄN THANH VÂN	23/06/2007	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT10	12520016
50	TRẦN HÀ VY	15/07/2007	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT10	12520017

V.A
 ỨNG
 Y KHO
 CỘNG
 NAM

51	NGUYỄN MINH NHẬT	31/05/2005	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT10	12520018
52	ĐỖ NGUYỄN HOÀNG	02/04/2002	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT10	12520019
53	BÙI MẠNH TÙNG	13/02/2007	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT10	12520020
54	HỒ BẢO LINH	25/10/2007	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT10	12520021
55	PHẠM MINH TUẤN	16/08/1993	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT10	12520022
56	PHẠM PHƯƠNG NGÀ	08/01/2007	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT10	12520023
57	HÀ KHÁNH LINH	05/11/2007	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT10	12520024
58	NGUYỄN VŨ TÂN	16/06/2007	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT10	12520025
59	VÕ TRÍ DƯƠNG	09/02/2003	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT10	12520026
60	NHŨ THI PHƯỢNG	08/03/1985	Kỹ thuật phục hồi chức năng	PT10	12520027

Tổng số: 60 SV 

ĐÀO TẠO